

Số: **533** /CNBT-TCHC

TP. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 3 năm 2016

Về việc công bố Báo cáo thường niên năm 2015

Kính gửi:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

**1. Tên Công ty : CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC BẾN THÀNH
(Mã chứng khoán: BTW)**

2. Trụ sở chính : 194 Pasteur, Phường 6, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh

3. Điện thoại : (08) 38 297 147 – 38 272 990

4. Fax : (08) 38 229 778

5. Người thực hiện công bố thông tin:

- Họ và tên : NGUYỄN THÀNH PHÚC – Giám đốc Công ty
- Địa chỉ : 611/57E Điện Biên Phủ, Phường 1, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh.
- Điện thoại :
 - + Di động : 0913 926 614
 - + Cơ quan : (08) 38 234 723
- Fax : (08) 38 229 778

6. Loại thông tin công bố:

24h 72h Yêu cầu Bất thường Định kỳ

7. Nội dung thông tin công bố:

Công ty Cổ phần Cấp nước Bến Thành công bố Báo cáo thường niên năm 2015 được lập theo quy định tại Thông tư 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

8. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty Cổ phần Cấp nước Bến Thành vào ngày 29/3/2016 tại đường dẫn: **www.capnuocbenthanh.com** (vào mục “Công bố thông tin” chọn “Báo cáo thường niên”).

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thành viên HĐQT Công ty;
- Thành viên BKS Công ty;
- Ban Giám đốc Công ty;
- Kế toán trưởng Công ty;
- Lưu (VT, TC-HC).



**NGƯỜI THỰC HIỆN CBTT
GIÁM ĐỐC**

NGUYỄN THÀNH PHÚC

Số: **029** /BC-CNBT-TCHC

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 3 năm 2016

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC BẾN THÀNH NĂM 2015

(Theo quy định của Thông tư 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính
hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán)

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Thông tin tổng quát:

- Tên giao dịch : **CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC BẾN THÀNH**
- Giấy chứng nhận ĐKDN số: 0304789925 cấp lần đầu ngày 08/01/2007, đăng ký thay đổi lần thứ 3 ngày 08/5/2012 tại Sở Kế hoạch và Đầu tư TP.HCM.
- Vốn điều lệ : 93.600.000.000 đồng
(Chín mươi ba tỷ sáu trăm triệu đồng chẵn)
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu : 93.600.000.000 đồng
- Địa chỉ : 194 Pasteur, Phường 6, Quận 3, TP.HCM
- Số điện thoại : (08) 38 297 147 – 38 299 331
- Số fax : (08) 38 229 778
- Website : www.capnuocbenthanh.com
- Mã cổ phiếu : BTW

2. Quá trình hình thành và phát triển:

Công ty Cổ phần Cấp nước Bến Thành là đơn vị được cổ phần hoá từ Chi nhánh Cấp nước Bến Thành thuộc Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn theo Quyết định số 6652/QĐ-UBND ngày 30/12/2005 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Công ty tổ chức Đại hội cổ đông thành lập vào ngày 04/12/2006 và chính thức đi vào hoạt động theo hình thức công ty cổ phần từ ngày **01/02/2007**.

Các sự kiện quan trọng kể từ sau ngày 01/02/2007:

* Ngày 04/11/2008, Công ty đã ban hành quyết định về việc bổ sung ngành nghề kinh doanh; đồng thời Công ty đã tiến hành lập thủ tục đăng ký bổ sung các ngành nghề kinh doanh tại Sở Kế hoạch và Đầu tư TP.HCM (đăng ký thay đổi lần thứ 1).

Các ngành nghề kinh doanh được đăng ký bổ sung bao gồm: Thiết kế xây dựng công trình cấp, thoát nước; thiết kế xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị; lập dự án, quản lý dự án các công trình cấp, thoát nước và các công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị; giám sát thi công xây dựng công trình cấp, thoát nước; khảo sát địa hình xây dựng công trình; bán buôn thiết bị và dụng cụ đo lường ngành cấp nước; bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt trong xây dựng; kinh doanh bất động sản; cho thuê xe có động cơ; cho thuê máy móc, thiết bị xây dựng.

* Ngày 10/4/2009, Đại hội cổ đông thường niên năm 2009 thông qua việc miễn nhiệm chức danh thành viên Hội đồng quản trị (HĐQT) đối với Ông Huỳnh Trung Lâm (Chủ tịch HĐQT) kể từ ngày 11/4/2009, đồng thời bầu bổ sung Ông Huỳnh Khắc Cần vào thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2007 – 2012 kể từ ngày 11/4/2009. Ngày 11/4/2009, HĐQT Công ty đã họp bầu Ông Huỳnh Khắc Cần giữ chức Chủ tịch HĐQT Công ty.

* Ngày 04/3/2010, được sự chấp thuận của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội, cổ phiếu của Công ty Cổ phần Cấp nước Bến Thành đã chính thức giao dịch trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (UPCoM) với mã chứng khoán là BTW, số lượng chứng khoán đăng ký giao dịch là 9.360.000 cổ phiếu và tổng giá trị chứng khoán đăng ký giao dịch là 93.600.000.000 đồng.

* Ngày 27/4/2011, Đại hội cổ đông thường niên năm 2011 thông qua việc miễn nhiệm chức danh thành viên Ban kiểm soát đối với Bà Đặng Thị Hoàng Liên kể từ ngày 27/04/2011; đồng thời bầu bổ sung Bà Vũ Thanh Thảo làm thành viên Ban kiểm soát thay thế cho Bà Đặng Thị Hoàng Liên, theo nhiệm kỳ của Ban kiểm soát đương nhiệm.

* Ngày 21/10/2011, Công ty Cổ phần Cấp nước Bến Thành công bố thông tin về việc Ông HUỖNH KHẮC CẦN – Chủ tịch HĐQT Công ty đã từ trần vào ngày 18 tháng 10 năm 2011.

Tại phiên họp Hội đồng quản trị vào ngày 28/10/2011, HĐQT đã thống nhất bầu Ông Lê Dũng – Thành viên HĐQT, Giám đốc Công ty làm Chủ tịch HĐQT đương nhiệm của Công ty Cổ phần Cấp nước Bến Thành.

* Ngày 26/4/2012, tại Đại hội cổ đông thường niên năm 2012 của Công ty, các cổ đông tham dự Đại hội đã bỏ phiếu bầu HĐQT và Ban Kiểm soát nhiệm kỳ 2012 – 2017; đồng thời các thành viên HĐQT đã thống nhất bầu Ông Lê Dũng giữ chức Chủ tịch HĐQT và các thành viên Ban Kiểm soát đã thống nhất bầu Bà Nguyễn Hương Lan giữ chức Trưởng ban kiểm soát. HĐQT Công ty cũng quyết định bổ nhiệm Ông Nguyễn Thành Phúc – Thành viên HĐQT làm Giám đốc và bà Phạm Thị Thanh Vân làm Kế toán trưởng Công ty.

* Tại Đại hội cổ đông thường niên năm 2013 diễn ra vào ngày 26/4/2013, Đại hội đồng cổ đông đã biểu quyết miễn nhiệm Ông Lê Dũng – Chủ tịch HĐQT Công ty (do đến tuổi nghỉ hưu theo quy định), đồng thời bầu bổ sung Bà Phạm Thị Thanh Vân vào HĐQT Công ty nhiệm kỳ 2012 – 2017.

Tại phiên họp thứ 5 (nhiệm kỳ 2012 – 2017) của HĐQT cũng diễn ra vào ngày 26/4/2013, HĐQT đã bỏ phiếu bầu Ông Trần Công Thanh – Thành viên HĐQT giữ chức Chủ tịch HĐQT Công ty (chuyên trách) theo nhiệm kỳ của HĐQT. Đồng thời, cũng tại phiên họp này, HĐQT đã bỏ phiếu thống nhất chấp thuận cho Bà Phạm Thị Thanh Vân thôi giữ chức vụ Kế toán trưởng, Trưởng phòng Kế toán – Tài chính và bổ nhiệm chức vụ Phó Giám đốc Công ty, kể từ ngày 02/5/2013, nhiệm kỳ 2012 – 2017; đồng thời bổ nhiệm Ông Nguyễn Hữu Cường – Phó Trưởng phòng Kế toán – Tài chính giữ chức vụ Kế toán trưởng Công ty, kể từ ngày 02/5/2013, nhiệm kỳ 2012 – 2017.

* Ngày 22/4/2014, Đại hội cổ đông thường niên năm 2014 thông qua việc miễn nhiệm chức danh thành viên Ban kiểm soát đối với Bà Nguyễn Thị Ngọc Linh; đồng thời bầu bổ sung Ông Trần Quang Nghĩa làm thành viên Ban kiểm soát theo nhiệm kỳ của Ban kiểm soát đương nhiệm.

* Ngày 29/10/2014, HĐQT Công ty đã ban hành nghị quyết miễn nhiệm chức vụ Phó Giám đốc Công ty và chấm dứt hợp đồng lao động đối với Ông Đào Ánh Dương kể từ ngày 01/11/2014; đồng thời ký hợp đồng lao động và bổ nhiệm Ông Phạm Hồng Thăng giữ chức vụ Phó Giám đốc Công ty kể từ ngày 01/11/2014, thời hạn bổ nhiệm theo nhiệm kỳ đương nhiệm của Hội đồng quản trị (2012 – 2017).

* Ngày 08/01/2016, tại Phiên họp thứ 15 (nhiệm kỳ 2012 – 2017) của HĐQT đã ban hành nghị quyết miễn nhiệm chức danh thành viên HĐQT của Ông Bùi Việt và bổ nhiệm tạm thời Ông Nguyễn Thanh Tùng làm thành viên HĐQT thay thế cho Ông Bùi Việt theo đề nghị của Ngân hàng TMCP Đông Á kể từ ngày 05/01/2016 trong thời gian chờ Đại hội đồng cổ đông bầu bổ sung thành viên HĐQT tại Đại hội cổ đông thường niên năm 2016.

3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:

a. Ngành nghề kinh doanh:

- Quản lý, phát triển hệ thống cấp nước, cung ứng, kinh doanh nước sạch cho nhu cầu tiêu dùng và sản xuất;
- Tư vấn xây dựng các công trình cấp nước, công trình dân dụng – công nghiệp;
- Xây dựng công trình cấp nước;
- Tái lập mặt đường đối với các công trình chuyên ngành cấp nước và các công trình khác;
- ...

b. Địa bàn kinh doanh:

Công ty Cổ phần Cấp nước Bến Thành chịu trách nhiệm quản lý cung cấp nước sạch cho khách hàng Quận 1 và Quận 3 (trừ Phường 12-13-14) – TP.HCM.

4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý:

a. Mô hình quản trị: Mô hình quản trị của Công ty bao gồm:

- Đại hội đồng cổ đông;
- Hội đồng quản trị;
- Ban Kiểm soát.

b. Cơ cấu bộ máy quản lý:

- Ban Giám đốc: gồm Giám đốc (phụ trách chung), Phó Giám đốc phụ trách kinh doanh và Phó Giám đốc phụ trách kỹ thuật, trong đó:

+ **Giám đốc:** Chịu trách nhiệm điều hành chung và trực tiếp phụ trách Phòng Tổ chức – Hành chính, Kế toán – Tài chính, Kế hoạch – Vật tư, Ban Quản lý dự án và Ban Quản lý giám nước không doanh thu.

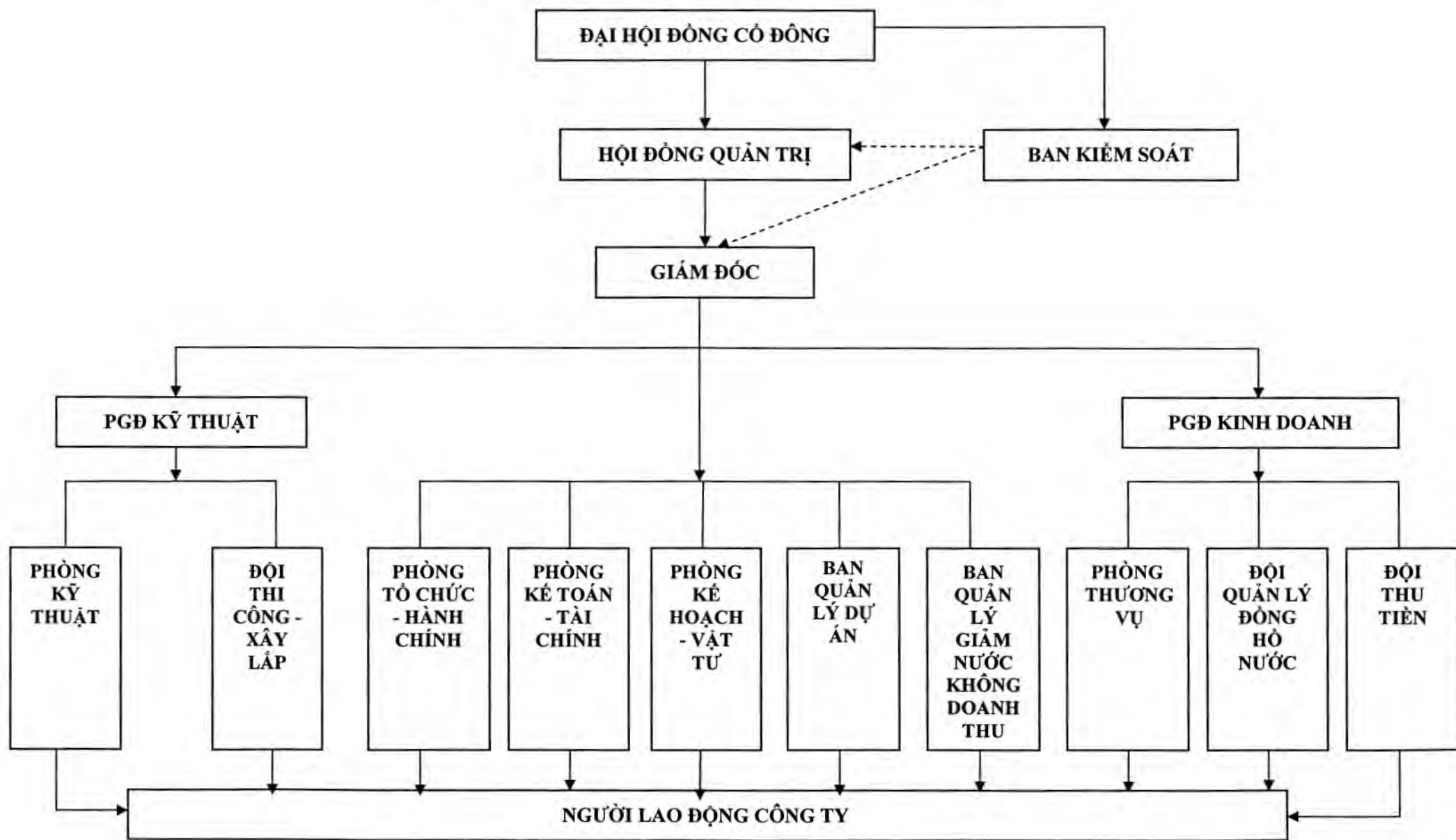
+ **Phó Giám đốc kinh doanh:** Phụ trách Phòng Thương vụ, Đội Quản lý đồng hồ nước, Đội Thu tiền.

+ **Phó Giám đốc kỹ thuật:** Phụ trách Phòng Kỹ thuật, Đội Thi công – Xây lắp.

- Phòng, ban, đội: Công ty có **10 phòng, ban, đội** chuyên môn nghiệp vụ, gồm:

- + Phòng Tổ chức – Hành chính
- + Phòng Kế toán – Tài chính
- + Phòng Kế hoạch – Vật tư
- + Phòng Kỹ thuật
- + Phòng Thương vụ
- + Ban Quản lý dự án
- + Ban Quản lý giám nước không doanh thu
- + Đội Quản lý đồng hồ nước
- + Đội Thu tiền
- + Đội Thi công – Xây lắp

SƠ ĐỒ TỔ CHỨC
CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC BẾN THÀNH



c. Các công ty con, công ty liên kết: Không

5. Định hướng phát triển:

a. Các mục tiêu chủ yếu:

- Bảo toàn, sử dụng có hiệu quả và phát triển nguồn vốn Công ty; đảm bảo thu nhập và đời sống CNV-LĐ.
- Phân đấu đạt sản lượng nước cung cấp, doanh thu và lợi nhuận đối với chỉ tiêu đề ra; đảm bảo tỷ lệ thực thu tiền nước đương niên trên 99%.
- Quản lý chặt chẽ hóa đơn và công tác thu nộp tiền nước, phân đấu tỷ trọng thu tiền nước bằng các hình thức không dùng tiền mặt trên 50%.
- Thực hiện tích cực và đồng bộ các biện pháp giảm thất thoát nước, thất thu nước.
- Từng bước hoàn thiện hệ thống mạng lưới cấp nước trên địa bàn; quản lý và vận hành an toàn hệ thống cấp nước; cung cấp nước liên tục, ổn định.
- Nâng cao chất lượng phục vụ khách hàng và duy trì thường xuyên tỷ lệ 100% hộ dân được cấp nước.
- Tăng cường năng lực quản lý, điều hành, chăm lo xây dựng đội ngũ CNV-LĐ chuyên nghiệp, trách nhiệm, nhiệt tình; đẩy mạnh ứng dụng khoa học công nghệ vào cơ sở hạ tầng kỹ thuật và quản lý kinh doanh.
- Xây dựng Công ty Cổ phần Cấp nước Bến Thành là doanh nghiệp phát triển bền vững, bảo vệ môi trường và thực hiện trách nhiệm xã hội, trên cơ sở tôn trọng quyền lợi, nghĩa vụ của cổ đông, đối tác, khách hàng, nhân viên và cộng đồng.

b. Chiến lược phát triển trung và dài hạn:

- Tập trung thực hiện nhiều biện pháp, giải pháp chuyên môn, nghiệp vụ trong công tác giảm thất thoát nước nhằm kéo giảm tỷ lệ thất thoát nước bình quân tối thiểu 3%/năm, hướng mục tiêu giảm tỷ lệ thất thoát nước bình quân đến năm 2020 còn dưới 25%.
- Thực hiện đồng bộ nhiều biện pháp nhằm đảm bảo cung cấp nước sạch an toàn, nâng cao chất lượng phục vụ khách hàng và duy trì tỷ lệ 100% hộ dân được cấp nước sạch trên địa bàn quản lý.
- Xây dựng và phát triển nguồn nhân lực theo hướng chuyên nghiệp, hiện đại; ứng dụng khoa học, công nghệ trong quản lý, điều hành; gắn với mở rộng các chương trình hợp tác đầu tư dịch vụ phục vụ cấp nước.

- Bảo toàn, sử dụng có hiệu quả và phát triển nguồn vốn Công ty.

c. Các mục tiêu đối với môi trường, xã hội và cộng đồng của Công ty:

- Thực hiện tốt công tác giảm thất thoát nước góp phần bảo vệ tài nguyên nước, hạn chế được tình trạng khai thác nước ngầm ở thành phố Hồ Chí Minh nói chung, khu vực Quận 1 và Quận 3 nói riêng.
- Nâng cao chất lượng phục vụ khách hàng; đáp ứng nhu cầu nước sạch, cải thiện đời sống sức khỏe của người dân và yêu cầu phát triển của thành phố Hồ Chí Minh.

- Chấp hành nghiêm các quy định pháp luật trong hoạt động sản xuất kinh doanh, hoàn thành tốt nghĩa vụ thuế đối với Nhà nước.

- Phát triển bền vững, đảm bảo hài hòa lợi ích giữa doanh nghiệp, người lao động và cổ đông Công ty.

6. Các rủi ro:

Công ty Cổ phần Cấp nước Bến Thành là đơn vị quản lý trên địa bàn trung tâm của thành phố, mạng lưới đường ống cấp nước đã được phủ kín, số lượng khách hàng phát triển mới hạn chế, xu hướng tiết kiệm chi tiêu của khách hàng thông qua sử dụng tiết kiệm nước sạch, gia tăng sử dụng nước giếng vẫn còn tồn tại sẽ là những trở ngại cho việc thực hiện chỉ tiêu sản lượng, doanh thu và lợi nhuận của Công ty.

Mạng lưới đường ống cấp nước do Công ty quản lý có 40 - 50% là hệ thống ống cũ lắp đặt từ thời Pháp thuộc, tỷ lệ thất thoát nước cao nhất trong toàn Tổng Công ty (42,37% tại thời điểm bàn giao các DMA vào tháng 11/2014), đội ngũ cán bộ kỹ thuật mới bước đầu tiếp cận với những công nghệ mới, chưa có nhiều kinh nghiệm thực tế là một trong những khó khăn khi Công ty thực hiện công tác giảm thất thoát nước.

Từ cuối năm 2014, giữa Tổng Công ty và Công ty chính thức thực hiện mua bán si nước sạch qua đồng hồ tổng, Công ty phải chủ động hoàn toàn trong công tác chống thất thoát nước, do đó chi phí phát sinh tăng so với các năm trước đây để phục vụ cho công tác dò bể, sửa bể ngầm (trước đây do nhà thầu Manila thực hiện), đồng thời tăng chi phí cho sửa chữa ống mục nghẹt tại các DMA để tích cực kéo giảm tỷ lệ thất thoát nước.

Từ năm 2014 Tổng Công ty đề nghị UBND TP.HCM cho điều chỉnh giá nước, nhưng đến thời điểm hiện tại vẫn chưa được chấp thuận, đã làm ảnh hưởng đến kết quả sản xuất kinh doanh của toàn Tổng Công ty và Công ty.

II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 2015

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh:

Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện năm 2014	Kết quả SXKD năm 2015		Tỷ lệ % thực hiện	
			Kế hoạch	Thực hiện	So với kế hoạch năm 2015	So với thực hiện năm 2014
Sản lượng nước tiêu thụ	m ³	38.730.077	39.000.000	38.875.193	99,68	100,37
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	Triệu đồng	387.478	395.450	401,342	101,49	103,58
Tỷ lệ thực thu tiền nước	%	99,58	≥ 99	99,36%		

Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện năm 2014	Kết quả SXKD năm 2015		Tỷ lệ % thực hiện	
			Kế hoạch	Thực hiện	So với kế hoạch năm 2015	So với thực hiện năm 2014
Tỷ lệ hộ dân được cấp nước sạch	%	100,00	100,00	100,00		
Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	28.249	25.000	9.608	38,43	34,01
Cổ tức	%/mệnh giá	11,5	10,5	(dự kiến) 6,5	61,9	56,5

Năm 2015, Công ty đã tập trung triển khai các danh mục phát triển, cải tạo, sửa chữa ống mương đối với 07 DMA trọng điểm có tỷ lệ thất thoát nước cao. Do thủ tục xin phép đào đường những tháng cuối năm tương đối thuận lợi hơn nên giá trị xây lắp tăng hơn năm 2014, đặc biệt về cải tạo thay thế đường ống cấp nước, sửa chữa ống mương nghẹt.

Công ty đảm bảo cung cấp nước sạch an toàn, nâng cao chất lượng phục vụ khách hàng, đáp ứng yêu cầu phát triển của thành phố; duy trì tỷ lệ 100% hộ dân được cấp nước sạch trên địa bàn quản lý.

Sản lượng nước (chuẩn thu sau xử lý) Công ty đã cung cấp cho khách hàng là 38.875.193 m³, đạt 99,68% so với kế hoạch sản lượng năm 2015 (39.000.000 m³) do trong năm có nhiều kì nghỉ lễ dài làm biến động giảm sử dụng nước đối với các khách hàng lớn trong khu vực. Tuy nhiên so với kết quả thực hiện cuối năm 2014 thì sản lượng nước cung cấp năm 2015 cao hơn 149.512 m³, tăng trưởng 0,37%.

Tổng doanh thu năm 2015 đạt 401,342 tỷ đồng (trong đó riêng doanh thu tiền nước là 392,805 tỷ đồng), đạt 101,49% kế hoạch và bằng 103,58% so với thực hiện năm 2014. Giá bán bình quân 12 kỳ đạt 10.104 đồng/m³ và là mức giá cao nhất so với các công ty khác trong Tổng Công ty. Đây là một yếu tố quan trọng góp phần hoàn thành chỉ tiêu doanh thu, mang lại hiệu quả cho hoạt động sản xuất kinh doanh của đơn vị.

Lợi nhuận trước thuế thực hiện trong năm 2015 là 9.608.691.708 đồng, đạt tỷ lệ 38,43% so với kế hoạch năm 2015 (25.000.000.000 đồng). Việc Công ty không đạt chỉ tiêu lợi nhuận chủ yếu do những nguyên nhân sau:

- Trong năm 2015, Công ty đã hoàn toàn chủ động trong công tác chống thất thoát nước trong điều kiện giữa Công ty và Tổng Công ty thực hiện việc mua bán sỉ nước sạch qua đồng hồ tổng. Do đó, Công ty phải đầu tư chi phí vào hoạt động sửa chữa ống mương theo kế hoạch (công tác này trước đây do nhà thầu Manila Water thực hiện) nhằm kéo giảm tỷ lệ thất thoát nước (tỷ lệ thất thoát nước của Công ty đã giảm từ 42,37% xuống còn bình quân 38,28% trong cả năm) dẫn đến chi phí năm 2015 tăng cao so với năm 2014.

- Giá nước mới theo lộ trình 2014 – 2018 được Tổng Công ty đề nghị Ủy ban nhân dân TP.HCM phê duyệt, nhưng chưa được chấp thuận đã ảnh hưởng tới kết quả kinh doanh của Công ty.

- Bên cạnh việc phải sử dụng vốn (tiền gửi ngân hàng) để đầu tư cải tạo các công trình mạng lưới đường ống cấp nước, lãi suất tiền gửi ngân hàng trong năm 2015 cũng thấp nên doanh thu hoạt động tài chính giảm.

- Trong năm 2015, Công ty không có khoản thu nhập từ bồi thường di dời đường ống như trong năm 2014.

2. Tổ chức và nhân sự:

a. Danh sách Ban điều hành:

Họ và tên	Ngày sinh	Trình độ nghề nghiệp	Chức danh	Địa chỉ	Ngày bổ nhiệm	Tỷ lệ cổ phần sở hữu (CP)
NGUYỄN THÀNH PHÚC	20/5/1964	- Cử nhân Kinh tế; - Cử nhân Luật.	Giám đốc	611/57E Điện Biên Phủ, P.1, Q.3, TP.HCM	27/4/2012	0
PHẠM THỊ THANH VÂN	17/3/1968	Cử nhân kinh tế	Phó Giám đốc	48/2 Lê Văn Chí, P.Linh Trung, Q. Thủ Đức, TP.HCM	02/5/2013	1.400
PHẠM HỒNG THẮNG	14/11/1974	Thạc sỹ Quản lý đô thị và xây dựng	Phó Giám đốc	412/7 Nơ Trang Long, P.13, Q. Bình Thạnh, TP.HCM	01/11/2014	0
NGUYỄN HỮU CƯỜNG	09/8/1971	Cử nhân kinh tế	Kế toán trưởng	45/46A Trần Thái Tông, P.15, Q. Tân Bình, TP.HCM	02/5/2013	1.500

b. Những thay đổi trong Ban điều hành: Không

c. Số lượng cán bộ, nhân viên - tóm tắt chính sách và thay đổi chính sách đối với người lao động:

Công ty hiện có 250 CNVC-LĐ (tính đến thời điểm 31/12/2015). Công ty luôn thực hiện đầy đủ các chế độ chính sách, phúc lợi cho người lao động như chế độ lương, thưởng, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm nhân thọ, tiền ăn giữa ca, đồng phục, tham quan nghỉ mát, khám sức khỏe định kỳ, thăm hỏi ốm đau,... và nhiều hoạt động chăm lo đời sống vật chất, tinh thần khác.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án:

a. Các khoản đầu tư lớn:

Tổng số tiền đầu tư vào các công trình xây dựng cơ bản trong năm 2015 là 69.068.122.214 đồng, bao gồm:

- Phát triển mạng lưới cấp 3: 10.249.254.098 đồng (*)
- Cải tạo nâng cấp mạng lưới: 12.836.026.732 đồng (*)
- Cải tạo thay thế mạng lưới: 11.651.579.939 đồng (*)
- Sửa chữa ống mục: 16.639.067.132 đồng (**)
- Chống thất thoát nước: 17.692.194.313 đồng (**)

(*) Danh mục hình thành tài sản cố định.

(**) Danh mục đưa vào chi phí.

b. Các công ty con, công ty liên kết: Không

4. Tình hình tài chính:

a. Tình hình tài chính:

Chỉ tiêu	Năm 2014	Năm 2015	% tăng giảm
<i>* Đối với tổ chức không phải là tổ chức tín dụng và tổ chức tài chính phi ngân hàng:</i>			
Tổng giá trị tài sản	197.255.909.401	197.684.087.286	0,22%
Doanh thu thuần	387.478.281.344	401.342.328.316	3,58%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	21.550.083.569	9.255.331.683	-57,05%
Lợi nhuận khác	6.699.551.519	353.360.025	-94,73%
Lợi nhuận trước thuế	28.249.635.088	9.608.691.708	-65,99%
Lợi nhuận sau thuế	22.087.043.469	7.795.170.127	-64,71%
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	48,73%	54,03% (dự kiến)	10,88%

b. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

Các chỉ tiêu	Năm 2014	Năm 2015	Ghi chú
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn: TSLĐ/Nợ ngắn hạn	2,21 lần	1,37 lần	
+ Hệ số thanh toán nhanh: $\frac{TSLĐ - Hàng tồn kho}{Nợ ngắn hạn}$	2,00 lần	1,22 lần	

2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	25,43%	29,58%	
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	34,10%	42,00%	
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
+ Vòng quay hàng tồn kho: $\frac{\text{Giá vốn hàng bán}}{\text{Hàng tồn kho bình quân}}$	35,07	32,76	
+ Doanh thu thuần/Tổng tài sản	1,96	2,03	
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	5,70 %	1,94 %	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	11,20 %	3,94 %	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	15,02 %	5,60 %	
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	5,56 %	2,31 %	

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:

a. Cổ phần:

- Tổng số cổ phần đang lưu hành : 9.360.000 cổ phần
(mệnh giá 10.000 đ/cổ phần)
- Loại cổ phần đang lưu hành : Cổ phần phổ thông

b. Cơ cấu cổ đông: (Theo danh sách cổ đông chốt ngày 11/3/2016)

- Theo tiêu chí tỷ lệ sở hữu (cổ đông lớn, cổ đông nhỏ):

Số TT	Tên cổ đông	Số lượng	Tổng số cổ phần nắm giữ (CP)	Tỷ lệ % trên vốn điều lệ (%)
1	Cổ đông lớn	04	7.633.700	81,56
2	Cổ đông nhỏ	372	1.726.300	18,44

- Theo tiêu chí cổ đông tổ chức, cổ đông cá nhân:

Số TT	Tên cổ đông	Số lượng	Tổng số cổ phần nắm giữ (CP)	Tỷ lệ % trên vốn điều lệ (%)
1	Cổ đông tổ chức	12	7.796.435	83,29
2	Cổ đông cá nhân	364	1.563.565	16,71

- Theo tiêu chí cổ đông trong nước, cổ đông nước ngoài:

Số TT	Tên cổ đông	Số lượng	Tổng số cổ phần năm giữ (CP)	Tỷ lệ % trên vốn điều lệ (%)
1	Cổ đông nước ngoài	11	1.777.800	18,99
2	Cổ đông trong nước	365	7.582.200	81,01

- Theo tiêu chí cổ đông nhà nước và các cổ đông khác:

Số TT	Tên cổ đông	Số lượng	Tổng số cổ phần năm giữ (CP)	Tỷ lệ % trên vốn điều lệ (%)
1	Cổ đông nhà nước	01	4.974.700	53,15
2	Các cổ đông khác	375	4.385.300	46,85

c. Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: Không có

d. Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không có

e. Các chứng khoán khác: Mua trái phiếu ngày 03/02/2015

Bên bán: Ông Nguyễn Đức Hùng

Bên mua: Công ty Cổ phần Cấp nước Bến Thành

Lý do mua: phục vụ mục đích kinh doanh.

Trái phiếu Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn (Agribank) kỳ hạn 10 năm, với số lượng 01, mệnh giá 1,2 tỷ đồng, đáo hạn vào tháng 10/2016.

III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:

a. Đánh giá kết quả hoạt động:

Năm 2015, Công ty cơ bản đạt và vượt các chỉ tiêu về hoạt động SXKD đã được Đại hội đồng thông qua. Việc cung ứng, kinh doanh nước sạch cho nhu cầu tiêu dùng và sản xuất của nhân dân và khách hàng trên địa bàn luôn đảm bảo, ổn định chất lượng, đáp ứng được 100% nhu cầu sử dụng nước sạch trên địa bàn, góp phần vào công tác đảm bảo an ninh, tổ quốc trên địa bàn.

Công ty luôn hoàn nghĩa vụ nộp thuế đối với Nhà nước đúng, đủ và đảm bảo thời hạn theo quy định; việc chăm lo chế độ, chính sách cho người lao động được đảm bảo và nâng cao, đời sống người lao động được cải thiện đáng kể.

Công tác quản lý, cải tạo, phát triển mạng lưới cấp nước và công tác giảm nước không doanh thu luôn được quan tâm đầu tư, thực hiện thường xuyên, góp phần đưa hoạt động SXKD ngày càng ổn định và phát triển.

Việc đầu tư phương tiện kỹ thuật, ứng dụng tiện ích của công nghệ thông tin được triển khai và bước đầu mang lại những hiệu quả thiết thực trong công tác quản lý và kinh doanh.

Việc tiếp tục xây dựng, ban hành và áp dụng nhiều quy định, quy chế quản lý nội bộ đã giúp nâng cao hiệu quả công tác quản lý.

Năng lực đội ngũ cán bộ làm công tác quản lý ngày càng nâng cao, bám sát và đảm bảo yêu cầu công tác đề ra; kinh nghiệm thực tế tích lũy ngày càng nhiều.

b. Những tiến bộ Công ty đã đạt được:

- Duy trì việc cung cấp nước ổn định, chất lượng, đảm bảo áp lực nước cho khách hàng; thực hiện tốt công tác giảm thất thoát nước bình quân (từ 42,37% xuống còn 38,28%); tiếp tục duy trì chỉ tiêu 100% tỷ lệ hộ dân được cung cấp nước sạch trên địa bàn.

- Nhiều giải pháp đồng bộ được triển khai mang lại hiệu quả sản xuất kinh doanh cho đơn vị về doanh thu tiền nước, về công tác giảm thất thoát nước...

- Việc đầu tư phương tiện kỹ thuật, ứng dụng tiện ích của công nghệ thông tin được triển khai, bước đầu mang lại những hiệu quả thiết thực trong công tác quản lý và kinh doanh.

- Việc tiếp tục xây dựng, ban hành và áp dụng nhiều quy định, quy chế quản lý nội bộ đã giúp nâng cao hiệu quả công tác quản lý.

- Năng lực đội ngũ cán bộ làm công tác quản lý ngày càng nâng cao, bám sát và đảm bảo yêu cầu công tác đề ra; kinh nghiệm thực tế tích lũy ngày càng nhiều.

2. Tình hình tài chính:

a. Tình hình tài sản:

- Tổng giá trị tài sản năm 2015 là 197.684.087.286 đồng, tăng 428.177.885 đồng tương ứng với tỷ lệ 0,22 % so với năm 2014. Về cơ cấu, tài sản ngắn hạn chiếm tỷ trọng 41,18 %, chủ yếu là tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu ngắn hạn, hàng tồn kho... Năm 2015, tài sản cố định mới tăng 33.155.197.489 đồng; trong đó, 30.122.781.489 đồng là đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành các hệ thống ống cấp nước và phát triển mạng lưới cấp nước nhằm đảm bảo nhu cầu cung cấp nước sạch cho sinh hoạt và sản xuất kinh doanh trên địa bàn đồng thời làm giảm tỷ lệ thất thoát nước trong khu vực quản lý; còn lại 3.032.416.000 đồng là tài sản tăng do mua sắm.

- Tuy hàng tồn kho cuối năm 2015 giảm 11,53% so với năm 2014 và vòng quay hàng tồn kho giảm từ 35,07 lần xuống còn 32,76 lần, nhưng giá trị hàng tồn kho của Công ty vẫn khá cao nhằm mục đích cung cấp kịp thời vật tư thi công các công trình trong 6 tháng cuối năm 2015 và đầu năm 2016, thực hiện kế hoạch đầu tư, phát triển mạng lưới, nâng cấp hệ thống cấp nước, sửa chữa ống mục, chống thất thoát nước.

b. Tình hình nợ phải trả:

- Hệ số thanh toán ngắn hạn: 1,37

- Hệ số thanh toán nhanh: 1,22

- Hệ số Nợ/Tổng Tài sản: 29,58

- Hệ số Nợ/Vốn Chủ sở hữu: 42,00

Điều này thể hiện Công ty sử dụng nguồn vốn hiệu quả, đồng vốn được bảo toàn, đảm bảo khả năng chi trả cho các khoản nợ đến hạn.

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý:

- Ứng dụng hệ thống BENTHANGIS vào quản lý tài sản mạng lưới thông qua các ứng dụng của GIS và WEBGIS. Cập nhật 100% bản vẽ hoàn công các công trình trên mạng lưới cấp nước và vị trí, danh bộ, thông tin khách hàng trên dữ liệu BENTHANGIS; và kết nối dữ liệu online từ các đồng hồ tổng để đồng bộ hóa trên nền GIS.

- Ứng dụng những tiện ích của công nghệ thông tin trong công tác quản lý, giao tiếp, cung cấp dịch vụ cho khách hàng thông qua việc nâng cấp website của đơn vị với những thông tin như tra cứu thông tiền nước, thanh toán tiền nước, thông tin liên kết để thu tiền nước qua ngân hàng, lịch trình đọc số, quy trình và tiến độ giải quyết hồ sơ khách hàng,...; hoàn thiện phần mềm chương trình quản lý hóa đơn, chương trình quản lý đọc số theo DMA; xây dựng phần mềm in chỉ số đồng hồ nước cho khách hàng ngay sau khi biên đọc.

- Tiếp tục áp dụng nghiêm chỉnh các quy trình, quy định đã cải tiến phù hợp với yêu cầu sản xuất kinh doanh, đồng thời xây dựng và ban hành nhiều quy định nhằm nâng cao hiệu quả công tác quản lý trong tình hình mới; tạo cơ chế thuận lợi trong việc thực hiện nhanh các yêu cầu nâng, dời, đổi cỡ,... đồng hồ nước khách hàng ngay khi khách hàng nộp hồ sơ yêu cầu và tạm ứng chi phí thi công; kết hợp công tác cải tạo, phát triển mạng lưới với việc gắn mới đồng hồ nước trong ngày nhằm đáp ứng nhanh yêu cầu của khách hàng và đảm bảo thuận tiện trong công tác tái lập mặt đường.

- Ban hành quy định thưởng và xử lý trách nhiệm trong công tác chống thất thoát, thất thu nước sạch nhằm nâng cao vai trò trách nhiệm của cán bộ, công nhân viên trong việc tham gia chống thất thoát nước sạch và xác định trách nhiệm vật chất của công nhân viên trực tiếp gây ra thất thoát nước, đồng thời động viên, khuyến khích cán bộ, công nhân viên Công ty cũng như các cá nhân, tổ chức khác trong công tác chống thất thoát nước sạch.

- Từng bước xây dựng và đào tạo đội ngũ quản lý, chăm sóc khách hàng làm cơ sở cho việc quản lý các phân vùng cung cấp nước (DMA) nhằm thực hiện hiệu quả công tác giảm thất thoát nước và phục vụ khách hàng tốt hơn.

- Đa dạng hóa việc thanh toán hóa đơn tiền nước qua hệ thống ngân hàng bằng các hình thức ủy nhiệm thu – chi thông qua thẻ ATM của Ngân hàng TMCP Đông Á, dịch vụ thu hộ tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, dịch vụ thanh toán trực tuyến “Payoo”, dịch vụ Bank-Plus của Tổng Công ty viễn thông Viettel, dịch vụ M-Plus của Công ty Cổ phần Dịch vụ Thương mại và Công nghệ M-Pay,... nhằm tăng thêm các kênh thanh toán tiện ích cho khách hàng và nâng cao tỷ trọng tiền nước thu được không dùng tiền mặt, đảm bảo an toàn trong công tác quản lý thu nộp tiền nước.

4. Kế hoạch phát triển năm 2016:

a. Kế hoạch kinh doanh:

Số TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2016
1	Sản lượng nước cung cấp	m ³	39.070.000
2	Doanh thu tiền nước và cung cấp dịch vụ	triệu đồng	418.850
3	Tỷ lệ thực thu tiền nước đương niên	%	100
4	Tỷ lệ thất thoát nước bình quân	%	31
5	Tỷ lệ hộ dân được cấp nước sạch	%	100

b. Kế hoạch đầu tư xây dựng cơ bản:

Hạng mục	Quy mô đầu tư (mét)	Giá trị đầu tư (triệu đồng)
Phát triển mạng lưới cấp 3	3.756	17.881
Cải tạo nâng cấp mạng lưới cấp nước	7.470	54.305
Cải tạo thay thế mạng lưới cấp nước	3.475	31.897
Sửa chữa ống mương và sửa chữa khác		4.400
Chống thất thoát nước	14.093	36.272
Tổng cộng:	28.794	144.755

5. Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán: Không có

IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Đánh giá của HĐQT về các mặt hoạt động của Công ty:

- Hoạt động sản xuất kinh doanh ổn định, bám sát theo chỉ tiêu kế hoạch đã đề ra. Công ty có nhiều biện pháp tích cực trong công tác chuyên môn, nghiệp vụ và có kế hoạch cụ thể cho từng giai đoạn, nhờ đó Công ty đã đạt hầu hết các chỉ tiêu đề ra;

- Công tác tài chính, kế toán được thực hiện theo đúng quy định của pháp luật; đảm bảo mục tiêu bảo toàn và phát triển nguồn vốn;

- Các vấn đề thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị đều được Chủ tịch Hội đồng quản trị và Giám đốc Công ty báo cáo Hội đồng quản trị xem xét và quyết định dưới sự giám sát của Ban kiểm soát Công ty. Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát đều được thông tin kịp thời về tình hình hoạt động của Công ty;

- Việc công bố thông tin luôn tuân thủ quy định của pháp luật, đảm bảo tính minh bạch, khách quan, phản ánh trung thực tình hình hoạt động của Công ty.

- Công ty đã ý thức việc đầu tư nâng cao chất lượng phục vụ, sẵn sàng đáp ứng mọi nhu cầu sử dụng nước của khách hàng; duy trì tỷ lệ hộ dân được cấp nước sạch 100% toàn địa bàn Công ty quản lý.

2. Đánh giá của HĐQT về hoạt động của Ban Giám đốc Công ty:

Ban Giám đốc đã thực hiện công tác điều hành đúng theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định; đồng thời có sự phối hợp chặt chẽ nhằm hoàn thành chỉ tiêu do Đại hội đồng cổ đông giao; chủ động xử lý kịp thời các vấn đề phát sinh trong công tác quản lý, điều hành; đề ra những biện pháp, giải pháp tích cực để thực hiện tốt nhất nhiệm vụ sản xuất kinh doanh.

3. Các kế hoạch, định hướng của HĐQT:

Trong năm 2016, HĐQT sẽ tập trung vào những kế hoạch, định hướng sau:

- Phối hợp, hỗ trợ Ban điều hành phấn đấu đạt mức độ tăng trưởng về sản lượng, doanh thu và lợi nhuận theo kế hoạch SXKD năm 2016 đã đề ra. Công tác chống thất thoát nước là trọng tâm. Tập trung mục tiêu nâng cao chất lượng phục vụ khách hàng.

- Định hướng trong việc bảo toàn, sử dụng có hiệu quả và phát triển nguồn vốn.
- Định hướng xây dựng và phát triển nguồn nhân lực theo hướng chuyên nghiệp, hiện đại; đầu tư, ứng dụng khoa học, công nghệ trong quản lý, điều hành nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh; đảm bảo nhân sự quản lý và vận hành có hiệu quả các phân vùng cấp nước (DMA) nhằm kéo giảm tỷ lệ thất thoát nước, mang lại hiệu quả kinh doanh cao;
- Tập trung triển khai thực hiện các biện pháp nhằm nâng cao chất lượng phục vụ khách hàng và duy trì tỷ lệ 100% hộ dân được cấp nước.

V. QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. Hội đồng quản trị:

a. Thành viên và cơ cấu HĐQT:

Giá trị cổ phần: 10.000 đồng/CP

Số TT	Họ và tên	Chức danh HĐQT	Thành viên không điều hành	Số cổ phần sở hữu (CP)	Tỷ lệ % so với vốn điều lệ	Thành viên HĐQT tại các công ty khác	Ghi chú
1	Trần Công Thanh	Chủ tịch		4.974.700	53,15 %		
2	Bạch Vũ Hải	Thành viên	x	(Đồng đại diện phần vốn góp của Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn)			
3	Nguyễn Thành Phúc	-nt-					
4	Phạm Thị Thanh Vân	-nt-					
5	Bùi Việt	-nt-	x	936.000 (Đại diện phần vốn góp của Ngân hàng TMCP Đông Á)	10%	- CTCP Cấp nước Nhà Bè; - CTCP Cấp nước Phú Hòa Tân.	Miễn nhiệm chức danh thành viên HĐQT của Ông Bùi Việt và bổ nhiệm tạm thời thành viên HĐQT thay thế theo đề nghị của Ngân hàng TMCP Đông Á kể từ ngày 05/01/2016 trong thời gian chờ ĐHCĐ bầu bổ sung thành viên HĐQT tại ĐHCĐ thường niên 2016.
6	Nguyễn Thanh Tùng	-nt-	x	-	-		

Số TT	Họ và tên	Chức danh HĐQT	Thành viên không điều hành	Số cổ phần sở hữu (CP)	Tỷ lệ % so vốn điều lệ	Thành viên HĐQT tại các công ty khác	Ghi chú
7	Trương Nguyễn Thiên Kim	-nt-	x	-	-	- CTCP Cấp nước Gia Định; - CTCP Cấp nước Nhà Bè; - CTCP Cấp nước Phú Hòa Tân.	

b. Các tiểu ban thuộc HĐQT: Không có

c. Hoạt động của HĐQT:

Trong năm 2015, Hội đồng quản trị đã điều hành hoạt động của Công ty thông qua 03 phiên họp Hội đồng quản trị và các ý kiến biểu quyết bằng văn bản giữa các phiên họp (bao gồm 13 lần lấy ý kiến biểu quyết bằng văn bản). Các hồ sơ tổ chức lấy ý kiến biểu quyết này được thực hiện theo đúng thủ tục quy định của Luật Doanh nghiệp và các văn bản hướng dẫn có liên quan, đúng Quy chế Tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản trị và có sự giám sát của Ban kiểm soát Công ty (các hồ sơ lấy ý kiến Hội đồng quản trị đều được gửi cho các thành viên Ban kiểm soát theo đúng thể thức, nội dung và thời hạn như đối với các thành viên Hội đồng quản trị).

Nội dung chủ yếu của các phiên họp và các hồ sơ lấy ý kiến biểu quyết của Hội đồng quản trị bao gồm:

- Các nội dung liên quan đến việc thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh trong năm;
- Các nội dung liên quan đến hợp đồng mua bán sỉ nước sạch giữa Công ty với Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn;
- Các nội dung liên quan đến lương, thưởng, phúc lợi cho người lao động;
- Các nội dung liên quan đến công tác quản lý, điều hành khác.

Năm 2015, Hội đồng quản trị đã ban hành 32 nghị quyết, quyết định liên quan đến công tác quản lý, điều hành thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

Hoạt động của Hội đồng quản trị trong năm 2015 đảm bảo tuân thủ theo quy định tại Điều lệ Tổ chức và hoạt động Công ty, Quy chế Tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản trị đã ban hành, các quy định khác của pháp luật trong việc quản lý, điều hành đơn vị và dưới sự giám sát của Ban kiểm soát Công ty.

d. Hoạt động của thành viên HĐQT độc lập không điều hành:

Các thành viên HĐQT độc lập không điều hành thể hiện trách nhiệm trong việc tham gia quản lý, giám sát và giải quyết những vấn đề thuộc thẩm quyền của HĐQT thông qua các phiên họp của HĐQT cũng như các hồ sơ lấy ý kiến biểu quyết bằng văn bản giữa các phiên họp. Đồng thời, hàng quý Ban Giám đốc đều lập báo cáo một số chỉ tiêu tài chính gửi HĐQT.

e. Hoạt động của các tiểu ban trong HĐQT: Không có

f. Danh sách các thành viên HĐQT tham gia các chương trình về quản trị công ty trong năm:

- Ông Trần Công Thanh – Chủ tịch HĐQT
- Ông Nguyễn Thành Phúc – Thành viên HĐQT, Giám đốc Công ty
- Bà Phạm Thị Thanh Vân - Thành viên HĐQT, Phó Giám đốc Công ty

2. Ban kiểm soát:

a. Thành viên và cơ cấu Ban kiểm soát:

Giá trị cổ phần: 10.000 đồng/CP

Số TT	Họ và tên	Chức danh BKS	Số cổ phần sở hữu (CP)	Tỷ lệ % so vốn điều lệ
1	Nguyễn Hương Lan	Trưởng ban	0	
2	Nguyễn Xuân Trinh	Thành viên	0	
3	Vũ Thanh Thảo	-nt-	0	
4	Võ Thị Minh Ngân	-nt-	0	
5	Trần Quang Nghĩa	-nt-	0	

b. Hoạt động của Ban kiểm soát:

Trong năm 2015, Ban kiểm soát thực hiện chức năng giám sát công tác quản lý, điều hành của HĐQT, Ban Giám đốc và hoạt động SXKD của Công ty thông qua việc tham dự, đóng góp ý kiến tại các phiên họp của HĐQT, giám sát việc thực hiện lấy ý kiến biểu quyết của các thành viên HĐQT bằng văn bản và thông qua các báo cáo tình hình tài chính hàng quý, năm của Công ty.

Nội dung chủ yếu của các phiên họp của Ban kiểm soát bao gồm:

- Kiến nghị các công ty kiểm toán được chấp thuận để HĐQT lựa chọn công ty kiểm toán báo cáo tài chính năm;
- Thẩm định báo cáo tài chính năm của Công ty;
- Đánh giá hiệu quả quản lý, hoạt động của HĐQT, Ban Giám đốc và tình hình SXKD của Công ty thông qua báo cáo tài chính và các báo cáo định kỳ của HĐQT, Ban Giám đốc.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của HĐQT, Ban Giám đốc và Ban kiểm soát:

a. Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích:

*** Đối với tiền lương:**

- Chủ tịch HĐQT hưởng lương chuyên trách (không hưởng thù lao) theo ngạch lương áp dụng cho Chủ tịch HĐQT của doanh nghiệp hạng 2 (áp dụng Nghị định 205/2005/NĐ-CP ngày 14/12/2004 của Chính phủ).

- Các thành viên trong Ban Giám đốc hưởng lương theo ngạch lương áp dụng cho Giám đốc, Phó Giám đốc của doanh nghiệp hạng 2 (áp dụng Nghị định 205/2005/NĐ-CP ngày 14/12/2004 của Chính phủ)

*** Đối với thù lao:**

Đối với các thành viên HĐQT còn lại và các thành viên Ban kiểm soát (BKS), Đại hội đồng cổ đông biểu quyết thông qua mức thù lao cho các thành viên HĐQT, BKS trong năm 2015 như sau:

- + Thành viên HĐQT : 3.500.000 đồng/người/tháng.
- + Trưởng BKS : 3.500.000 đồng/người/tháng.
- + Thành viên BKS : 2.000.000 đồng/người/tháng.

Riêng Chủ tịch HĐQT, do đảm nhận công tác chuyên trách nên không nhận thù lao.

*** Đối với tiền thưởng:**

Căn cứ lợi nhuận sau thuế và sau khi đã trích các quỹ theo quy định, Đại hội đồng cổ đông sẽ quyết định quỹ thưởng cụ thể cho Ban quản lý, điều hành. Căn cứ quỹ thưởng do Đại hội đồng cổ đông thông qua, Công ty sẽ phân phối cho các thành viên.

*** Các lợi ích khác:** Ngoài tiền lương, thù lao, tiền thưởng đã trình bày trên, Chủ tịch HĐQT, Ban Giám đốc được trang bị các phương tiện và dụng cụ làm việc để phục vụ công tác.

b. Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ: Không có

c. Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ:

Trong năm 2015, Công ty Cổ phần Cấp nước Bến Thành đã ký kết các hợp đồng, giao dịch với các đối tượng có liên quan đến các thành viên HĐQT như sau):

Số TT	Cá nhân, đơn vị thực hiện giao dịch với Công ty	Quan hệ với Công ty	Nội dung giao dịch
1	Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn – TNHH MTV	Cổ đông lớn và có 04 thành viên đại diện vốn góp tham gia HĐQT	Ký hợp đồng mua bán si nước sạch từ kỳ 01/2015 đến kỳ 7/2015.

Số TT	Cá nhân, đơn vị thực hiện giao dịch với Công ty	Quan hệ với Công ty	Nội dung giao dịch
2	-nt-	-nt-	Ký hợp đồng thuê tài sản hoạt động theo danh mục tài sản (giá trị: 1.077.828.222 đồng).
3	-nt-	-nt-	Ký hợp đồng chuyển nhượng 2.000 đồng hồ nước DN 15 ly cấp C (giá trị: 1.342.598.400 đồng).
4	-nt-	-nt-	Ký hợp đồng chuyển nhượng 4.000 ĐHN 15 ly cấp C (giá trị: 2.687.493.600 đồng).
5	-nt-	-nt-	Ký hợp đồng chuyển nhượng 250 ĐHN 25 ly và 25 ĐHN 50 ly cấp C (giá trị: 1.075.800.000 đồng).
6	-nt-	-nt-	Ký hợp đồng chuyển nhượng 2.000 ĐHN 15 ly cấp C (giá trị: 1.332.410.200 đồng).
7	-nt-	-nt-	Ký hợp đồng chuyển nhượng 2.000 ĐHN 15 ly cấp C (giá trị: 1.332.639.000 đồng).
8	Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng Đông Á	Đơn vị thành viên của Ngân hàng TMCP Đông Á do Ông Bùi Việt – Thành viên HĐQT Công ty làm Giám đốc	Tiếp tục thực hiện Hợp đồng tư vấn thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin của Công ty Cổ phần Cấp nước Bến Thành mà hai bên đã ký kết từ năm 2011.

Các hợp đồng, giao dịch trên đều được thông qua HĐQT và được sự giám sát của Ban kiểm soát trước khi tiến hành ký kết.

VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH

1. Ý kiến kiểm toán:

Trích văn bản số ~~603~~ 2016/BC.KTTC-AASC.DTNN1 ngày 23/3/2016 của Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC về Báo cáo kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2015 của Công ty Cổ phần Cấp nước Bến Thành (đính kèm):

Ý kiến của kiểm toán viên:

"Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Cấp nước Bến Thành tại ngày 31/12/2015, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính".

2. Báo cáo tài chính được kiểm toán: (Đính kèm)

Trên đây là Báo cáo thường niên về hoạt động của Công ty Cổ phần Cấp nước Bến Thành trong năm 2015.

Nơi nhận:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội;
- Chủ tịch HĐQT T.Cty Cấp nước Sài Gòn;
- Các thành viên HĐQT Công ty;
- Các thành viên BKS Công ty;
- Ban Giám đốc Công ty;
- Kế toán trưởng Công ty;
- Lưu (VT, HĐQT).



GIÁM ĐỐC

NGUYỄN THÀNH PHÚC

Báo cáo Tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC BẾN THÀNH

Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015
(Đã được kiểm toán)

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Giám đốc	02-03
Báo cáo Kiểm toán độc lập	04-05
Báo cáo Tài chính đã được kiểm toán	
Bảng cân đối kế toán	06-07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	09
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính	10-29

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Cấp nước Bến Thành (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Cấp nước Bến Thành là Doanh nghiệp được cổ phần hóa từ Doanh nghiệp Nhà nước – Chi nhánh Cấp nước Bến Thành, đơn vị hạch toán phụ thuộc Tổng công ty Cấp nước Sài Gòn theo Quyết định số 6652/QĐ-UBND ngày 30 tháng 12 năm 2005 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103005880 ngày 08 tháng 01 năm 2007, đăng ký thay đổi lần 2 ngày 21 tháng 04 năm 2009 và đăng ký thay đổi lần 3 ngày 08 tháng 05 năm 2012 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Trần Công Thanh	Chủ tịch	
Ông Bạch Vũ Hải	Thành viên	
Ông Bùi Việt	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 05/01/2016
Ông Nguyễn Thanh Tùng	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 05/01/2016
Bà Trương Nguyễn Thiên Kim	Thành viên	
Ông Nguyễn Thành Phúc	Thành viên	
Bà Phạm Thị Thanh Vân	Thành viên	

Các thành viên của Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Thành Phúc	Giám đốc
Ông Phạm Hồng Thắng	Phó Giám đốc
Bà Phạm Thị Thanh Vân	Phó Giám đốc

Các thành viên Ban kiểm soát bao gồm:

Bà Nguyễn Hương Lan	Trưởng ban
Ông Trần Quang Nghĩa	Thành viên
Bà Võ Thị Minh Ngân	Thành viên
Bà Vũ Thanh Thảo	Thành viên
Ông Nguyễn Xuân Trinh	Thành viên

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015 cho Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính;
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời, Ban Giám đốc có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng các báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính tại ngày 31/12/2015, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Cam kết khác

Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.



Nguyễn Thành Phúc
Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 03 năm 2016

Số: 603/2016/BC.KTTC-AASC.DTNN1

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Cấp nước Bến Thành

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Cấp nước Bến Thành, được trình bày từ trang 06 đến 29 bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Cấp nước Bến Thành tại ngày 31/12/2015, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

**Công ty TNHH
Hàng kiểm toán AASC**



Đỗ Mạnh Cường
Phó Tổng Giám đốc
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 0744-2013-002-1/KTV

Hà Nội, ngày 23 tháng 03 năm 2016

Phạm Thanh Nhân
Kiểm toán viên
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 1612-2013-002-1/KTV

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	01/01/2015 (phân loại lại)	
			31/12/2015 VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		80.256.204.083	110.678.687.983
110	I. Tiền và tương đương tiền	3	46.216.775.073	56.990.215.852
111	1. Tiền		16.216.775.073	16.990.215.852
112	2. Các khoản tương đương tiền		30.000.000.000	40.000.000.000
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn		6.200.000.000	30.000.000.000
123	3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	4	6.200.000.000	30.000.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		10.337.377.478	8.821.939.480
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	6.681.129.878	1.988.018.916
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	3.062.574.668	5.553.696.810
136	6. Phải thu ngắn hạn khác	7	804.104.885	1.343.701.035
137	7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	5	(210.431.953)	(63.477.281)
140	IV. Hàng tồn kho		9.098.776.528	10.284.387.886
141	1. Hàng tồn kho	9	9.098.776.528	10.284.387.886
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		8.403.275.004	4.582.144.765
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	12	1.319.400.000	1.383.600.000
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		6.315.918.779	2.641.948.579
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	15	767.956.225	556.596.186
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		117.427.883.203	86.577.221.418
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		1.212.969.085	1.212.969.085
216	6. Phải thu dài hạn khác	7	1.212.969.085	1.212.969.085
220	II. Tài sản cố định		85.695.564.849	62.542.656.292
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	85.055.140.209	61.875.512.944
222	- Nguyên giá		160.678.359.256	127.688.161.767
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(75.623.219.047)	(65.812.648.823)
227	3. Tài sản cố định vô hình	11	640.424.640	667.143.348
228	- Nguyên giá		1.069.400.000	904.400.000
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(428.975.360)	(237.256.652)
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn		14.286.814.285	7.559.293.144
242	2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	12	14.286.814.285	7.559.293.144
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn		-	10.000.000.000
255	5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	4	-	10.000.000.000
260	VI. Tài sản dài hạn khác		16.232.534.984	5.262.302.897
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	13	15.388.331.696	4.418.099.609
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại		4.163.166	4.163.166
263	3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn		840.040.122	840.040.122
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		197.684.087.286	197.255.909.401



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015
(Tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2015	01/01/2015
			VND	(phân loại lại) VND
300	A. NỢ PHẢI TRẢ		58.469.424.541	50.160.008.089
310	I. Nợ ngắn hạn		58.469.424.541	50.160.008.089
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	14	39.087.379.968	30.096.559.560
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	16	1.323.262.830	2.082.253.691
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	15	4.204.699.354	6.457.560.740
314	4. Phải trả người lao động		7.794.128.269	6.278.664.702
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	17	2.196.127.051	1.138.142.008
319	9. Phải trả ngắn hạn khác	18	657.633.908	642.817.477
322	12. Quỹ khen thưởng phúc lợi	19	3.206.193.161	3.464.009.911
400	B. NGUỒN VỐN		139.214.662.745	147.095.901.312
410	I. Vốn chủ sở hữu	20	139.214.662.745	147.095.901.312
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		93.600.000.000	93.600.000.000
411a	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		93.600.000.000	93.600.000.000
418	8. Quỹ đầu tư phát triển		37.819.492.618	34.735.927.250
421	11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		7.795.170.127	18.759.974.062
421b	LNST chưa phân phối kỳ này		7.795.170.127	18.759.974.062
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		197.884.087.286	197.255.909.401

ngocnga

Uuo



Nguyễn Ngọc Nga
Người lập biểu

Nguyễn Hữu Cường
Kế toán trưởng

Nguyễn Thành Phúc
Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 03 năm 2016

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Năm 2015

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Thuyết minh	
			Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	22	401.342.328.316	387.478.281.344
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ		401.342.328.316	387.478.281.344
11	4. Giá vốn hàng bán	23	317.503.370.963	317.901.278.834
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		83.838.957.353	69.577.002.510
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính		2.910.758.453	6.115.544.990
22	7. Chi phí tài chính		-	-
25	8. Chi phí bán hàng	24	49.226.883.547	27.412.645.049
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	28.267.500.576	26.729.818.882
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		9.255.331.683	21.550.083.569
31	11. Thu nhập khác		359.960.025	6.864.756.464
32	12. Chi phí khác		6.600.000	165.204.945
40	13. Lợi nhuận khác		353.360.025	6.699.551.519
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		9.608.691.708	28.249.635.088
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	26	1.813.521.581	6.162.591.619
52	16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại		-	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế TNDN		7.795.170.127	22.087.043.469
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	27	707	2.360

Ngocnga

Nguyễn Ngọc Ngà
Người lập biểu

Uuo

Nguyễn Hữu Cường
Kế toán trưởng



Nguyễn Thành Phúc
Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 03 năm 2016

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
Năm 2015
(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
01	1. Lợi nhuận trước thuế		9.608.691.708	28.249.635.088
	2. Điều chỉnh cho các khoản:			
02	Khấu hao tài sản cố định		10.106.813.195	6.917.140.188
03	Các khoản dự phòng		146.954.672	15.659.774
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(2.910.758.453)	(6.115.544.990)
08	3. Lỗ từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		16.951.701.122	29.066.890.060
09	Giảm các khoản phải thu		(7.850.122.776)	(3.420.102.937)
10	(Tăng), giảm hàng tồn kho		1.185.611.358	(2.767.702.705)
11	Tăng/(giảm) các khoản phải trả (không bao gồm lãi vay, thuế TNDN phải nộp)		9.494.039.025	16.546.930.702
12	Tăng chi phí trả trước		(10.906.032.087)	(3.307.987.999)
15	Thuế TNDN đã nộp		(4.445.729.819)	(6.571.550.561)
16	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		48.030.000	-
17	Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh		(5.218.600.444)	(5.621.221.815)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		(741.103.621)	23.925.254.745
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và tài sản dài hạn khác		(36.743.738.069)	(31.190.108.617)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		33.800.000.000	53.000.000.000
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		3.660.199.861	7.651.283.574
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		716.461.792	29.461.174.957
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
36	6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(10.748.798.950)	(12.174.295.900)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(10.748.798.950)	(12.174.295.900)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		(10.773.440.779)	41.212.133.802
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		56.990.215.852	15.778.082.050
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái		-	-
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm		46.216.775.073	56.990.215.852

ngocnga

Nguyễn Ngọc Ngà
Người lập biểu

luoc

Nguyễn Hữu Cường
Kế toán trưởng



Nguyễn Thành Phúc
Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 03 năm 2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

1. THÔNG TIN CHUNG

Công ty Cổ phần Cấp nước Bến Thành là Doanh nghiệp được cổ phần hóa từ Doanh nghiệp Nhà nước – Chi nhánh Cấp nước Bến Thành, đơn vị hạch toán phụ thuộc Tổng công ty Cấp nước Sài Gòn theo Quyết định số 6652/QĐ-UBND ngày 30 tháng 12 năm 2005 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103005880 ngày 08 tháng 01 năm 2007, đăng ký thay đổi lần 2 ngày 21 tháng 04 năm 2009 và đăng ký thay đổi lần 3 ngày 08 tháng 05 năm 2012 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp sửa đổi lần thứ 3 ngày 08/05/2012 là 93.600.000.000 VND.

Trụ sở của Công ty tại 194 Pasteur, Phường 6, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh. Vốn điều lệ của Công ty là 93.600.000.000 VND, tương đương 9.360.000 cổ phần, mệnh giá mỗi cổ phần là 10.000 VND.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: Quản lý, phát triển hệ thống cấp nước, cung ứng, kinh doanh nước sạch cho nhu cầu tiêu dùng và sản xuất; Xây dựng cấp nước, thiết kế xây dựng công trình cấp nước dân dụng và công nghiệp; Lập dự án, thẩm tra thiết kế các công trình cấp nước dân dụng và công nghiệp; Tái lập mặt đường đối với các công trình chuyên ngành cấp nước và các công trình khác.

2. CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1 Kỳ kế toán và đơn vị tiền tệ kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

2.2 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

2.3 Thay đổi trong các chính sách kế toán và thuyết minh

Ngày 22/12/2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006, và có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015.

Ảnh hưởng của các thay đổi chính sách kế toán theo hướng dẫn của Thông tư 200/2014/TT-BTC được áp dụng phi hồi tố. Công ty đã bổ sung thuyết minh thông tin so sánh trên Báo cáo tài chính riêng đối với các chỉ tiêu có sự thay đổi giữa Thông tư 200/2014/TT-BTC và Quyết định 15/2006/QĐ-BTC, tại Thuyết minh số 32.

2.4 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian đáo hạn không quá 03 tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2.5 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác sau khi trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản nợ phải thu khó đòi theo đánh giá của Ban Giám đốc cuối năm tài chính.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho từng khoản phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

2.6 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Cuối kỳ, giá trị hàng tồn kho là thiết bị, vật tư, phụ tùng dùng để dự trữ, thay thế, phòng ngừa hư hỏng của tài sản nhưng không đủ tiêu chuẩn để phân loại là tài sản cố định và có thời gian dự trữ trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường được trình bày trên chỉ tiêu Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn của Bảng cân đối kế toán.

Giá trị hàng tồn kho được xác định bằng phương pháp bình quân gia quyền.
Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận, khi cần thiết, là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.7 Tài sản cố định

Tài sản cố định (hữu hình/vô hình) được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Nguyên giá bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hình thành các tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản cố định vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các đồng hồ nước ("ĐHN") cỡ lớn đáp ứng tiêu chuẩn ghi nhận tài sản cố định theo Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 Hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định được Công ty theo dõi và quản lý là những tài sản cố định hữu hình độc lập.

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- | | |
|--------------------------|-------------|
| - Nhà cửa, vật kiến trúc | 05 – 25 năm |
| - Máy móc, thiết bị | 05 – 06 năm |

17899
CÔNG T
Ổ PHẢ
ÁP NƯ
BẾN TH
TR. H

111
CÔNG
NHÌM
KIỂM
AS
KIỂM

- | | |
|-----------------------------------|-------------|
| - Phương tiện vận tải, truyền dẫn | 06 – 10 năm |
| - Thiết bị, dụng cụ quản lý | 05 năm |
| - Phần mềm máy tính | 05 năm |

2.8 Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính là các khoản tiền gửi có kỳ hạn, trái phiếu và được trình bày trên Bảng cân đối kế toán tại thời điểm lập báo cáo tài chính là:

- Tương đương tiền nếu khoản tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng, hoặc trái phiếu tất toán trong vòng 3 tháng;
- Đầu tư nắm giữ tới ngày đáo hạn ngắn hạn nếu tiền gửi có kỳ hạn hoặc trái phiếu tất toán trong vòng 12 tháng kể từ thời điểm báo cáo và không bao gồm các khoản được phân loại là tương đương tiền nêu trên;
- Đầu tư nắm giữ tới ngày đáo hạn dài hạn nếu tiền gửi có kỳ hạn hoặc trái phiếu tất toán trong vòng trên 12 tháng kể từ thời điểm báo cáo.

2.9 Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Các chi phí trả trước đã phát sinh trong năm tài chính nhưng có thể mang lại hiệu quả sử dụng nhiều hơn 01 năm kể từ ngày lập báo cáo tài chính được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn và phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh. Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán theo phương pháp đường thẳng và được căn cứ tùy vào tính chất, phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

2.10 Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong kỳ. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh.

2.11 Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hội tở thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hội tở sai sót trọng yếu của các năm trước. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

Quỹ khen thưởng phúc lợi, Quỹ đầu tư phát triển được phân phối từ Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo Nghị quyết phê duyệt của Đại hội cổ đông theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

2.12 Doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu hoạt động tài chính gồm doanh thu phát sinh từ lãi tiền gửi và doanh thu tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời các điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

2.13 Thuế thu nhập

Thuế hiện hành

Tài sản thuế và các khoản thuế phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ tính thuế năm.

Thuế thu nhập hiện hành của Công ty được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp do Công ty xác định như sau:

Đối với thu nhập thuộc lĩnh vực hoạt động khai thác trên hệ thống tuyến ống cấp 3:

- Theo Thông tư 134/2007/TT-BTC ngày 23/11/2007 của Bộ Tài chính, Công ty được áp dụng mức thuế suất ưu đãi đầu tư 20% trong thời gian 10 năm (2007-2016); miễn thuế 2 năm (2007-2008) và giảm 50% số thuế phải nộp trong 3 năm tiếp theo (2009-2011);
- Theo Thông tư 130/2008/TT-BTC ngày 26/12/2008 của Bộ Tài chính, Công ty được áp dụng mức thuế suất ưu đãi đầu tư 10% từ năm 2015 đến năm 2021 và giảm 50% số thuế phải nộp trong 3 năm (2015-2017).

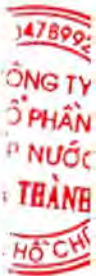
Đối với thu nhập thuộc lĩnh vực hoạt động tài chính, thu nhập khác, nhượng bán vật tư: Áp dụng mức thuế suất thông thường.

2.14 Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới Công ty.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.



3. Tiền và tương đương tiền

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
Tiền mặt	218.212.754	91.280.990
Tiền gửi ngân hàng	15.998.562.319	16.898.934.862
Các khoản tương đương tiền (*)	30.000.000.000	40.000.000.000
	46.216.775.073	56.990.215.852

(*) Các khoản tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng, có lãi suất từ 4 - 4,2%/năm.

4. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
Ngắn hạn	6.200.000.000	30.000.000.000
Tiền gửi có kỳ hạn (i)	5.000.000.000	30.000.000.000
Trái phiếu (ii)	1.200.000.000	-
Dài hạn	-	10.000.000.000
Tiền gửi có kỳ hạn (iii)	-	10.000.000.000
	6.200.000.000	40.000.000.000

(i) Các khoản tiền gửi có kỳ hạn tất toán trong vòng từ 3 – 12 tháng, lãi suất từ 5,5 - 6%/năm;

(ii) Trái phiếu dài hạn của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam, mệnh giá trái phiếu 1.200.000.000 VND, lãi suất 10,40%/năm, nhận lãi hàng năm. Trái phiếu kỳ hạn 10 năm, tất toán ngày 11/10/2016;

(iii) Các hợp đồng tiền gửi tất toán trong vòng trên 12 tháng, lãi suất từ 6,9 - 7,4% /năm.

5. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	6.681.129.878	1.988.018.916
a) Phải thu ngắn hạn bên thứ ba	6.382.620.745	1.988.018.916
Tiền nước (**)	5.445.451.430	1.655.968.404
Phí bảo vệ môi trường (**)	544.130.863	159.659.126
Thuế GTGT phải nộp (**)	272.272.586	82.798.432
Khác	120.765.866	89.592.954
b) Phải thu ngắn hạn các bên liên quan (Thuyết minh 31)	298.509.133	-
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(210.431.953)	(63.477.281)
Dự phòng tiền nước thu của khách hàng lẻ	(210.431.953)	(63.477.281)
	6.470.697.925	1.924.541.635

(**) Bao gồm khoản truy thu do áp sai đơn giá nước của một số khách hàng theo kết luận thanh tra của Bộ Tài chính năm 2015. Số còn phải truy thu theo kết quả thanh tra nêu trên và theo điều chỉnh lại đơn giá của Công ty đến 31/12/2015 là 3.149.576.760 VND.

6. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
Trả trước nhà thầu xây lắp	2.932.265.869	4.485.224.328
Công ty CP Đầu tư Xây dựng Cấp thoát nước Thiên Phú	1.081.383.300	304.936.478
Công ty CP Xây dựng Minh Trang	716.363.225	1.373.547.408
Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Tấn Trường	246.830.599	1.827.408.000
Trả trước nhà thầu xây lắp khác	887.688.745	979.332.442
Trả trước nhà thầu vật tư, khác	130.308.799	1.068.472.482
	3.062.574.668	5.553.696.810

7. Các khoản phải thu khác

	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Ngắn hạn	804.104.885	-	1.343.701.035	-
Tạm ứng	349.790.000	-	167.163.831	-
Ký cược, ký quỹ	281.424.194	-	127.727.848	-
Lãi dự thu	127.639.452	-	877.080.860	-
Khác	45.251.239	-	171.728.496	-
Dài hạn	1.212.969.085	-	1.212.969.085	-
Ký cược, ký quỹ	55.000.000	-	55.000.000	-
Phải thu biển thu tiền nước (i)	1.157.969.085	-	1.157.969.085	-
	2.017.073.970	-	2.556.670.120	-

(i) Số tiền phải thu còn lại liên quan tới khoản biển thủ tiền thu nước của ông Lê Trung Huy được phát hiện vào tháng 7 năm 2013. Ngày 28/7/2015, Tòa án nhân dân TP. Hồ Chí Minh đã ra quyết định đối với bản án số 252/2015/HSST, yêu cầu ông Lê Trung Huy phải bồi thường số tiền này cho Công ty. Tuy nhiên, bản án không nêu rõ về thời hạn hay phương án trả nợ, đồng thời ông Lê Trung Huy đã có đơn kháng cáo quyết định này của tòa án.

8. Nợ xấu

	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi	1.712.792.496	344.391.458	1.334.330.610	112.884.244
+ Phải thu tiền nước bị biến thủ (i)	1.157.969.085	-	1.157.969.085	-
+ Phải thu tiền nước khó đòi (ii)	554.823.411	344.391.458	176.361.525	112.884.244
Các khoản tiền phạt, phải thu về lãi trả chậm phát sinh từ các khoản nợ quá hạn nhưng không được ghi nhận doanh thu	-	-	-	-
	1.712.792.496	344.391.458	1.334.330.610	112.884.244

(i) Công nợ chưa xác định được giá trị có thể thu hồi, xem chi tiết tại Thuyết minh số 7.

(ii) Giá trị có thể thu hồi tính bằng nợ gốc khó đòi trừ đi phần đã trích lập dự phòng (Thuyết minh số 5).

9. Hàng tồn kho

	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên vật liệu	8.911.424.528	-	10.114.617.886	-
Công cụ dụng cụ	187.352.000	-	169.770.000	-
	9.098.776.528	-	10.284.387.886	-

10. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Tổng VND
Nguyên giá					
Tại ngày 01/01/2015	3.842.656.054	4.756.327.109	114.928.626.260	4.160.552.344	127.688.161.767
Số tăng trong năm	-	1.857.916.000	30.122.781.489	1.302.603.770	33.283.301.259
Mua trong năm	-	1.857.916.000	-	-	1.857.916.000
Đầu tư XDCB hoàn thành	-	-	30.122.781.489	-	30.122.781.489
Tặng khác - Gắn ĐHN	-	-	-	1.302.603.770	1.302.603.770
Số giảm trong năm	-	-	-	293.103.770	293.103.770
Giảm khác - Thu hồi ĐHN	-	-	-	293.103.770	293.103.770
Tại ngày 31/12/2015	3.842.656.054	6.614.243.109	145.051.407.749	5.170.052.344	160.678.359.256
Hao mòn lũy kế					
Tại ngày 01/01/2015	1.939.185.567	1.592.075.187	60.827.552.080	1.453.835.989	65.812.648.823
Số tăng trong năm	267.538.920	991.335.553	7.834.521.935	821.698.079	9.915.094.487
Khấu hao trong kỳ	267.538.920	991.335.553	7.834.521.935	821.698.079	9.915.094.487
Số giảm trong năm	-	-	-	104.524.263	104.524.263
Giảm khác - Thu hồi ĐHN	-	-	-	104.524.263	104.524.263
Tại ngày 31/12/2015	2.206.724.487	2.583.410.740	68.662.074.015	2.171.009.805	75.623.219.047
Giá trị còn lại					
Tại ngày 01/01/2015	1.903.470.487	3.164.251.922	54.101.074.180	2.706.716.355	61.875.512.944
Tại ngày 31/12/2015	1.635.931.567	4.030.832.369	76.389.333.734	2.999.042.539	85.055.140.209

Nguyên giá Tài sản cố định hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng 52.479.550.352 VND.

11. Tài sản cố định vô hình

	Phần mềm máy tính VND	Tổng VND
Nguyên giá		
Tại 01/01/2015	904.400.000	904.400.000
Mua trong năm	165.000.000	165.000.000
Tại 31/12/2015	1.069.400.000	1.069.400.000
Hao mòn lũy kế		
Tại 01/01/2015	237.256.652	237.256.652
Số khấu hao trong năm	191.718.708	191.718.708
Tại 31/12/2015	428.975.360	428.975.360
Giá trị còn lại		
Tại 01/01/2015	667.143.348	667.143.348
Tại 31/12/2015	640.424.640	640.424.640

12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	31/12/2015 VND	01/01/2015 VND
Mua sắm tài sản	197.700.000	-
Xây dựng cơ bản dở dang	10.000.067.744	6.581.430.735
Cải tạo, nâng cấp tuyến ống cấp nước	4.514.037.966	6.000.989.009
Cải tạo, thay thế tuyến ống cấp nước	2.874.255.262	300.502.489
Phát triển hệ thống mạng lưới cấp nước	2.611.774.516	279.939.237
Sửa chữa lớn TSCĐ	4.089.046.541	977.862.409
	14.286.814.285	7.559.293.144

13. Chi phí trả trước

	31/12/2015 VND	01/01/2015 VND
Ngắn hạn	1.319.400.000	1.383.600.000
Bảo hiểm nhân thọ	1.319.400.000	1.383.600.000
Dài hạn	15.388.331.696	4.418.099.609
Công cụ, dụng cụ	-	1.558.613.969
Chi phí sửa chữa ống mục (i)	15.388.331.696	2.859.485.640
	16.707.731.696	5.801.699.609

(i) Xem thêm tại Thuyết minh số 24.

14. Phải trả người bán ngắn hạn

	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
a) Phải trả người bán ngắn hạn bên thứ ba	11.784.818.401	11.784.818.401	2.877.906.959	2.877.906.959
Phải trả nhà thầu xây dựng cơ bản	4.264.539.989	4.264.539.989	2.573.993.624	2.573.993.624
+ Công ty CP Xây dựng Minh Trang	1.023.877.249	1.023.877.249	697.395.120	697.395.120
+ Công ty CP Tư vấn và Đầu tư Đô Thị Việt	941.740.204	941.740.204	-	-
+ Công ty TNHH SX TM Tấn Trường	731.121.059	731.121.059	805.878.442	805.878.442
+ Nhà thầu xây dựng khác	1.567.801.477	1.567.801.477	1.070.720.062	1.070.720.062
Phải trả nhà thầu cung cấp vật tư	7.496.143.853	7.496.143.853	278.971.613	278.971.613
+ Doanh nghiệp tư nhân Thảo Tín Vũ	4.639.052.440	4.639.052.440	87.338.900	87.338.900
+ Nhà thầu cung cấp vật tư khác	2.857.091.413	2.857.091.413	191.632.713	191.632.713
Phải trả nhà thầu khác	24.134.559	24.134.559	24.941.722	24.941.722
b) Phải trả người bán là các bên liên quan (Thuyết minh 31)	27.302.561.567	27.302.561.567	27.218.652.601	27.218.652.601
	39.087.379.968	39.087.379.968	30.096.559.560	30.096.559.560



15. Thuế và các khoản phải nộp, phải thu Nhà nước

	Số đầu năm		Số trong năm		Số cuối năm	
	Số phải thu VND	Số phải nộp VND	Số phải nộp VND	Số đã nộp VND	Số phải thu VND	Số phải nộp VND
Phí bảo vệ môi trường	-	3.262.074.152	38.786.906.034	38.407.559.182	-	3.641.421.004
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	3.195.486.588	1.813.521.581	4.445.729.819	-	563.278.350
Thuế thu nhập cá nhân	556.596.186	-	572.781.835	784.141.874	767.956.225	-
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	-	857.142.000	857.142.000	-	-
Thuế môn bài	-	-	3.000.000	3.000.000	-	-
	556.596.186	6.457.560.740	41.173.209.450	43.637.430.875	767.956.225	4.204.699.354

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

16. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
a) Người mua trả tiền trước là bên thứ ba	1.323.262.830	1.776.918.027
Di dời, tháo dỡ, bồi thường đồng hồ nước	895.674.777	1.283.442.137
Khách hàng sử dụng nước	364.581.229	442.935.706
Kiểm định đồng hồ nước	24.680.000	26.760.000
Khác	38.326.824	23.780.184
b) Người mua trả tiền trước là các bên liên quan (Thuyết minh 31)	-	305.335.664
	1.323.262.830	2.082.253.691

17. Chi phí phải trả ngắn hạn

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
Chi phí tái lập mặt đường, cát đá thi công	1.940.267.806	927.237.245
Phí bảo vệ môi trường	184.443.018	172.404.763
Chi phí khác	71.416.227	38.500.000
	2.196.127.051	1.138.142.008

18. Phải trả ngắn hạn khác

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
Kinh phí hoạt động Đảng	26.539.710	35.170.790
Tiền lãi phải trả cổ đông	63.504.296	63.670.296
Cổ tức phải trả cổ đông	376.418.310	361.217.260
Nhận đặt cọc dịch vụ Payoo	100.000.000	100.000.000
Khác	91.171.592	82.759.131
	657.633.908	642.817.477

19. Quỹ khen thưởng phúc lợi

	Quỹ khen thưởng	Quỹ phúc lợi	Quỹ thưởng Ban điều hành	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại 01/01/2014	3.170.925.588	490.872.211	(42.000.000)	3.619.797.799
Trích lập quỹ	3.218.370.100	1.732.968.516	495.000.000	5.446.338.616
Tăng quỹ	78.680.000			78.680.000
Sử dụng quỹ	(3.525.206.573)	(1.702.599.931)	(453.000.000)	(5.680.806.504)
Tại 31/12/2014	2.942.769.115	521.240.796	-	3.464.009.911
Trích lập quỹ	2.871.315.651	1.546.093.043	495.000.000	4.912.408.694
Tăng quỹ	48.030.000	-	-	48.030.000
Sử dụng quỹ	(3.134.673.797)	(1.588.581.647)	(495.000.000)	(5.218.255.444)
Tại 31/12/2015	2.727.440.969	478.752.192	-	3.206.193.161

20. Vốn chủ sở hữu

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Quỹ đầu tư phát triển (**) VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng VND
Tại 01/01/2014	93.600.000.000	27.593.572.781	21.429.623.678	142.623.196.459
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	22.087.043.469	22.087.043.469
Phân phối quỹ từ lợi nhuận 2013	-	7.142.354.469	(12.588.693.085)	(5.446.338.616)
Chia cổ tức từ lợi nhuận 2013	-	-	(12.168.000.000)	(12.168.000.000)
Tại 31/12/2014	93.600.000.000	34.735.927.250	18.759.974.062	147.095.901.312
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	7.795.170.127	7.795.170.127
Phân phối quỹ từ lợi nhuận 2014 (*)	-	6.410.634.775	(11.323.043.469)	(4.912.408.694)
Chia cổ tức từ lợi nhuận 2014 (*)	-	-	(10.764.000.000)	(10.764.000.000)
Điều chỉnh lợi nhuận 2013	-	(3.327.069.407)	3.327.069.407	-
Tại 31/12/2015	93.600.000.000	37.819.492.618	7.795.170.127	139.214.662.745

(*) Theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông ngày 21 tháng 04 năm 2015, Công ty thông qua việc phân phối lợi nhuận năm 2014 như sau:

	Tỷ lệ %	Số tiền VND
Kết quả kinh doanh sau thuế năm 2014	100,00	22.087.043.469
Trích Quỹ Đầu tư phát triển (**)	29,02	6.410.634.775
Trích Quỹ khen thưởng phúc lợi	20,00	4.417.408.694
Trích Quỹ thưởng ban quản lý, ban điều hành	2,24	495.000.000
Chi trả cổ tức	48,73	10.764.000.000
<i>(Tương ứng mỗi cổ phần nhận 1.150 VND)</i>		

(**) Số dư và số phát sinh của Quỹ dự phòng tài chính trong năm 2014 đã được trình bày cộng gộp vào Quỹ đầu tư phát triển để đảm bảo tính so sánh với số liệu năm nay theo quy định của TT200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014.

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	31/12/2015	Tỷ lệ	01/01/2015	Tỷ lệ
	VND	%	VND	%
Tổng công ty cấp nước Sài Gòn TNHH MTV	49.748.400.000	53,15	49.748.400.000	53,15
Các cổ đông khác	43.851.600.000	46,85	43.851.600.000	46,85
	93.600.000.000	100	93.600.000.000	100

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp đầu năm	93.600.000.000	93.600.000.000
Vốn góp cuối năm	93.600.000.000	93.600.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia		
Cổ tức, lợi nhuận chia từ lợi nhuận năm trước	10.764.000.000	12.168.000.000

d) Cổ phiếu

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	9.360.000	9.360.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	9.360.000	9.360.000
- Cổ phiếu phổ thông	9.360.000	9.360.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	9.360.000	9.360.000
- Cổ phiếu phổ thông	9.360.000	9.360.000

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phiếu

21. Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Nợ khó đòi đã xử lý	36.869.445	135.864.364

22. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Cung cấp nước sạch	396.424.544.238	384.117.503.650
Cung cấp dịch vụ khác	4.917.784.078	3.360.777.694
	401.342.328.316	387.478.281.344

23. Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Cung cấp nước sạch	314.895.644.705	316.710.209.263
Cung cấp dịch vụ khác	2.607.726.258	1.191.069.571
	317.503.370.963	317.901.278.834

24. Chi phí bán hàng

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Chi phí nhân viên	18.084.973.849	16.915.013.429
Chi phí vật liệu, bao bì (*)	14.604.084.669	789.518.198
Khấu hao TSCĐ	9.144.164.439	6.157.561.234
Chi phí trích trước	207.356.956	131.700.688
Chi phí dịch vụ mua ngoài (*)	7.142.713.634	3.182.761.500
Chi phí bằng tiền khác	43.590.000	236.090.000
	49.226.883.547	27.412.645.049

(*) Trong năm 2015, Công ty tăng cường hoạt động sửa chữa ống mục theo kế hoạch triển khai công tác sửa chữa các đoạn ống mục nghẹt năm 2015 nhằm giảm tỉ lệ thất thoát nước được thông qua tại Nghị quyết 007/NQ-CNBT-HDQT ngày 05/02/2015 của Hội đồng quản trị Công ty. Các công trình sửa chữa lớn có giá trị lớn được ghi nhận là Chi phí trả trước dài hạn, và phân bổ trong thời gian không quá 3 năm (Thuyết minh số 13).

25. Chi phí quản lý

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Chi phí nhân viên quản lý	16.891.982.151	15.372.577.445
Chi phí đồ dùng văn phòng	2.762.050.959	1.834.858.405
Khấu hao TSCĐ	962.648.756	759.578.954
Thuế, phí và lệ phí	860.142.000	2.360.465.013
Chi phí xử lý nợ khó đòi	33.769.805	125.535.184
Dự phòng nợ phải thu khó đòi	146.954.672	15.659.774
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.456.630.299	2.748.566.836
Chi phí bằng tiền khác	3.153.321.934	3.512.577.271
	28.267.500.576	26.729.818.882

26. Chi phí Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Lợi nhuận trước thuế	9.608.691.708	28.249.635.088
Các khoản điều chỉnh tăng:		
- <i>Thù lao Kiểm soát viên không tham gia trực tiếp điều hành</i>	243.000.000	243.000.000
- <i>Chi phí khác không phục vụ sản xuất kinh doanh</i>	6.600.000	22.600.000
- <i>Chi phí vượt định mức</i>	1.514.273	68.695.183
Thu nhập chịu thuế	9.859.805.981	28.583.930.271
Trong đó:		
Thu nhập ưu đãi thuế suất	2.091.974.909	6.293.652.045
Thu nhập không ưu đãi thuế suất	7.767.831.072	22.290.278.226
Thuế suất ưu đãi	5%	20%
Thuế suất không ưu đãi	22%	22%
Chi phí thuế TNDN	1.813.521.581	6.162.591.619
Bổ sung thuế TNDN phải nộp theo Biên bản kiểm tra của Kiểm toán nhà nước	-	22.600.000
Thuế TNDN đầu năm	3.195.486.588	3.581.845.530
Thuế TNDN đã nộp trong năm	(4.445.729.819)	(6.571.550.561)
Thuế TNDN phải nộp cuối năm	563.278.350	3.195.486.588

27. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2015 VND	Năm 2014 (*) VND
Lợi nhuận sau thuế TNDN	7.795.170.127	22.087.043.469
Các khoản điều chỉnh		
<i>Quỹ khen thưởng phúc lợi được trích từ lợi nhuận sau thuế (*)</i>	1.180.922.582	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	6.614.247.545	22.087.043.469
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân năm	9.360.000	9.360.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	707	2.360

(*) Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông của Công ty để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu năm 2014 bao gồm cả số phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi. Năm 2015, theo hướng dẫn của Thông tư 200/2014/TT-BTC, số dự tính phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi được loại ra khi tính Lãi cơ bản trên cổ phiếu.

Quỹ khen thưởng năm 2015 tạm tính dựa trên phương án phân phối tạm thời theo nghị quyết số 013/NQ-CNBT-HĐQT ngày 22/03/2016 của Hội đồng quản trị Công ty trình Đại hội cổ đông ngày 12/04/2016.

28. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Nước đầu vào	292.321.286.292	291.490.826.223
Nguyên liệu, vật liệu	31.031.194.795	19.105.732.490
Nhân công	44.047.162.518	40.872.075.640
Công cụ dụng cụ	2.446.818.986	1.344.611.958
Khấu hao tài sản cố định	10.106.813.195	6.917.140.188
Dịch vụ mua ngoài	10.806.700.889	8.564.688.995
Khác bằng tiền	4.237.778.411	3.748.667.271
	394.997.755.086	372.043.742.765

29. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm đòi hỏi phải được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính này.

30. Báo cáo bộ phận

Lĩnh vực cung cấp nước sạch chiếm trên 90% tỷ trọng toàn bộ hoạt động của Công ty; toàn bộ hoạt động của Công ty đều diễn ra trên khu vực thành phố Hồ Chí Minh. Do đó, Công ty không lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý.

31. Nghiệp vụ và số dư với các bên liên quan

Trong năm Công ty đã có các giao dịch với các bên liên quan như sau:

	Mối quan hệ	Giao dịch	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Tổng công ty Cấp nước Sài Gòn TNHH MTV	Công ty mẹ	Mua nước sạch	292.321.286.292	291.490.826.223
		Mua vật tư	5.853.210.000	12.564.130.212
		Thuê tài sản hoạt động	979.843.838	656.672.150
		Lắp đặt trụ cứu hỏa	1.383.552.988	-
		Chia cổ tức	5.720.905.000	6.467.110.000

Số dư với các bên liên quan tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm như sau:

	Mối quan hệ	Nội dung	Số phải thu/ (phải trả) tại	
			31/12/2015 VND	01/01/2015 VND
Tổng công ty Cấp nước Sài Gòn TNHH MTV	Công ty mẹ	Nhận ứng trước dịch vụ lắp đặt trụ cứu hỏa	-	(305.335.664)
		Phải trả mua nước sạch	(27.302.561.567)	(27.106.195.641)
		Phải trả mua vật tư	-	(112.456.960)
		Phải thu dịch vụ lắp đặt trụ cứu hỏa	298.509.133	-

32. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán. Trong đó, một số chỉ tiêu đã được phân loại lại cho phù hợp với Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp để so sánh với số liệu kỳ này như sau:

Mã số	Tên khoản mục	Số trước phân loại lại VND	Mã số	Tên khoản mục	Số sau phân loại lại VND	Chênh lệch VND
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN			BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN			
121	1. Đầu tư ngắn hạn	30.000.000.000	123	3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	30.000.000.000	(30.000.000.000) 30.000.000.000
135	5. Các khoản phải thu khác	1.048.809.356	136	6. Phải thu ngắn hạn khác	1.343.701.035	294.891.679
158	5. Tài sản ngắn hạn khác	1.452.860.764	155	5. Tài sản ngắn hạn khác	-	(1.452.860.764)
218	4. Phải thu dài hạn khác	-	216	6. Phải thu dài hạn khác	1.212.969.085	1.212.969.085
268	3. Tài sản dài hạn khác	55.000.000	268	4. Tài sản dài hạn khác	-	(55.000.000)
141	1. Hàng tồn kho	11.124.428.008	141	1. Hàng tồn kho	10.284.387.886	(840.040.122)
			263	3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	840.040.122	840.040.122
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	93.600.000.000	411	1. Vốn góp của chủ sở hữu	93.600.000.000	
			411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	93.600.000.000	
417	7. Quỹ đầu tư phát triển	23.160.199.315	418	8. Quỹ đầu tư phát triển	34.735.927.250	11.575.727.935
418	8. Quỹ dự phòng tài chính	11.575.727.935			-	(11.575.727.935)
420	10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	18.759.974.062	421	11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	18.759.974.062	
			421a	- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	18.759.974.062	



33. Phê duyệt Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính này đã được Ban Giám đốc Công ty phê duyệt và chấp thuận phát hành vào ngày 23 tháng 03 năm 2016.



Nguyễn Ngọc Ngà
Người lập biểu



Nguyễn Hữu Cường
Kế toán trưởng



Nguyễn Thành Phúc
Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 03 năm 2016

